



PHIẾU BÀI MÔN TOÁN LỚP 2

Mã: 2402

Thời gian làm bài: 30 phút

Ngày....tháng....năm ...

Họ và tên:.....Lớp:.....

Nhận xét của giáo viên:.....

Ôn tập

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

- Trong một phép trừ biết hiệu bằng 0, số trừ bằng 20, số bị trừ bằng:
A. 0
B. 20
C. 40
D. Không thể xác định
- Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $9 + \dots = 17$
A. 8
B. 7
C. 10
D. 9
- Kết quả của phép tính: $6 + 8 = ?$
A. 13
B. 14
C. 15
D. 16
- Tổng của 7 và 8 là:
A. 13
B. 14
C. 15
D. 16
- Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $\dots + 7 = 15$
A. 10
B. 9
C. 8
D. 7
- Phép cộng nào dưới đây có tổng là số tròn chục?
A. $24 + 5$
B. $37 + 23$
C. $29 + 70$
D. $18 + 21$
- Trong một phép cộng hai số hạng, biết tổng lớn hơn số hạng thứ hai 10 đơn vị. Vậy số hạng thứ nhất bằng:
A. 5
B. 0
C. 10
D. Chưa xác định
- Điền số thích hợp vào ô trống: $8 + 5 = 10 + \square$
A. 5
B. 4
C. 3
D. 2
- Điền dấu thích hợp vào ô trống: $7 + 5 \square 6 + 8$
A. $>$
B. $<$
C. $=$
D. Chưa xác định
- Chọn phép tính có kết quả bé nhất:
A. $6 + 7$
B. $8 + 7$
C. $9 + 8$
D. $6 + 5$

Bài 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào ô trống

$7 + 8 \quad \square \quad 9 + 6$

$15 + 2 \quad \square \quad 9 + 5$

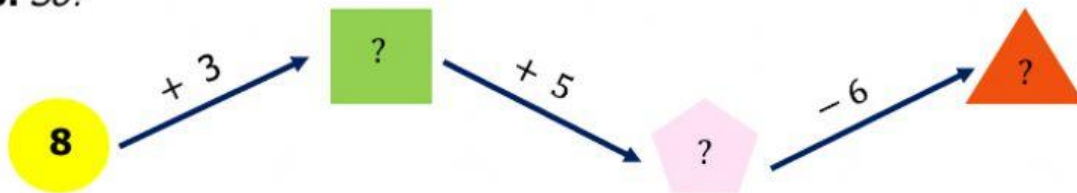
$9 + 4 \quad \square \quad 7 + 5$

$8 + 4 \quad \square \quad 7 + 7$

$5 + 9 \quad \square \quad 6 + 8$

$7 + 4 \quad \square \quad 6 + 6$

Bài 3. Số?



Bài 4. Trên xe buýt có 9 người. Tới điểm dừng có 5 người lên xe. Hỏi xe buýt có tất cả bao nhiêu người?

Bài giải

$\square \quad \bigcirc \quad \square = \square \quad (\text{người})$

Đáp số: ... người

Bài 5: a) Viết một số có hai chữ số mà tổng các chữ số của số đó bằng 15: ...
b) Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số mà tổng các chữ số bằng 15?

Trả lời: Có tất cả ... số.

Bài 6. Số?

